TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2025/QĐST - DS	*Lâm Thao, ngày 02 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Hùng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2024. Về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh Chiến, sinh năm 1984 và chị Vạn Thị Hường, sinh năm 1982;

Đều có địa chỉ: Khu 6, xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Hùng, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu 6, xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Trần Văn Chung, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 6, xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Về quyền khởi kiện: Anh Nguyễn Mạnh Chiến và chị Vạn Thị Hường có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

Về án phí: Hoàn trả lại anh Nguyễn Mạnh Chiến và chị Vạn Thị Hường số tiền tạm ứng án phí Dân sự đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BLTU/2024/0000780 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng

nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Đình Yên

Căn cứ vào Điều 48, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 96, các Điều 91, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn là chị Đặng Thị Mai Thu đã được Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ là: Họ và tên, năm sinh, địa chỉ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là hàng thừa kế thứ nhất trong vụ án nhưng nguyên đơn không cung cấp được theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

. Điều kiện để Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong trường hợp họ vắng mặt tại nơi cư trú trước thời điểm người khởi kiện nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, nhưng người khởi kiện không biết địa chỉ mới của họ

Điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015 quy định:

"*Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.*

Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện không ghi đầy đủ, cụ thể hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không sửa chữa, bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện."

Đồng thời, điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 quy định, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án khi có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTDS mà Tòa án đã thụ lý, trong đó có trường hợp được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015.

Với các quy định trên để thụ lý, giải quyết vụ án vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong trường hợp họ vắng mặt tại nơi cư trú trước thời điểm người khởi kiện nộp đơn khởi kiện, Tòa án phải làm rõ 2 điều kiện:

Một là, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan "*không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được*".

Hai là, mục đích thay đổi nơi cư trú, trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là "*che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện*".

Việc hiểu, áp dụng điều kiện thứ nhất không gặp khó khăn nhưng việc hiểu và thực hiện điều kiện thứ hai vẫn chưa có sự thống nhất trong thực tiễn.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, theo khoản 3 Điều 40 BLDS năm 2015, "*một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới*". Cho nên, trong trường hợp một người có nghĩa vụ với người khác (thông qua hành vi pháp lý đơn phương hoặc giao dịch dân sự) mà bỏ đi nơi khác thì họ có nghĩa vụ thông báo nơi cư trú mới cho người có quyền. Chủ thể nào có nghĩa vụ với người khác mà bỏ địa phương, không thông báo địa chỉ mới thì xem như họ cố tình "*che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện*". Trong trường hợp này, người khởi kiện có quyền lựa chọn nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo điểm a khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015 để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Quan điểm thứ hai cho rằng, khoản 3 Điều 40 BLDS năm 2015 không quy định trong mọi trường hợp một cá nhân bỏ địa phương đi phải báo cho người khác biết nơi cư trú mới mà chỉ ràng buộc trong trường hợp "*gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ*". Trong khi đó, mỗi cá nhân tham gia rất nhiều quan hệ xã hội. Bản thân họ rất khó biết là trong quan hệ nào họ có nghĩa vụ với chủ thể khác.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 40 BLDS năm 2015 quy định, khi thay đổi nơi cư trú, bên có nghĩa vụ phải thông báo cho bên có quyền biết nơi cư trú mới; còn điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015 lại quy định bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú phải thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Cho nên, rất khó ràng buộc cá nhân khi thay đổi nơi cư trú phải thông báo theo các quy định này.

Với các phân tích trên đây, việc áp dụng quy định về nơi cư trú của cá nhân trong BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi họ thay đổi nơi cư trú là chưa phù hợp. Trong trường hợp này, Tòa án phải dựa vào các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và Tòa án thu thập được để đánh giá mục đích của việc thay đổi nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Khi chứng minh được việc người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú nhằm "*trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện*" thì Tòa án mới được được giải quyết vắng mặt họ.

Tác giả thống nhất với quan điểm thứ hai.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).